

Bản án số: 18/2023/HS-ST.

Ngày: 19.5.2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông Phan Lê L.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông: Phan Thanh L;

2. Bà: Huỳnh Thị Tuyết M;

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thu T – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Đức A – Kiểm sát viên.

Ngày 19.5.2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLST-HS, ngày 14 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/ngày 04.5.2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: *Trần Ngọc C*, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 12.10.1987 tại: B; Nơi cư trú: Khu phố P, TT. C, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: Vá lốp; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Con ông: Trần Ngọc N, SN: 1960 và bà: Võ Thị S, SN: 1965; Vợ: Phan Thị Mộng K, SN: 1989; con: có 03 người, lớn nhất SN: 2017, nhỏ nhất SN: 2019; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại C, A; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: *Hà Đức H*, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 07.5.1982 tại: Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: lái máy đào; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Con ông: Hà Quang T (Chết) và bà: Trần Thị M (Chết); Vợ: Tô Ánh H, SN: 1993; Con: có 01 người, SN: 2020; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại T, A; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: *Trần Thanh Ch*, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20.5.2000 tại: B; Nơi cư trú: Thôn H 2, xã M, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lái máy đào; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Con ông: Trần Văn M, SN: 1969 và bà: Phạm Thị H, SN:

1975; Vợ: Phan Thị Hồng V, SN:2000; con: có 01 người, SN: 2018; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại M, A; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ an ninh V (gọi tắt là: Công ty V)

Địa chỉ: Số 5, đường 34A, phường Q, TP.Đ, TP.E.

* *Đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Việt A – SN: 1976; Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty V;

* *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Huỳnh Trung T – SN: 1962; Nơi cư trú: Khu vực 2, phường P, thành phố N, tỉnh B.(Có mặt)

+ Công ty TNHH thi công cơ giới và xây dựng hạ tầng L (gọi tắt là Công ty L)

* *Đại diện theo pháp luật*: Ông Đỗ Đức T; Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty L;

* *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Cao Xuân L, Sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Tập thể Công ty L tại thị trấn C, huyện A, tỉnh B.(Có mặt)

- *Người làm chứng*: Anh Võ Văn H, Sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn C, huyện A, tỉnh B.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình thi công dự án TĐX tại thôn O, xã G, huyện A, tỉnh B, bên đầu tư thi công dự án đã ký hợp đồng số 01/2020/V-TC ngày 01/10/2020 với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ an ninh V (Công ty V) để bảo vệ tài sản và bảo đảm an ninh, trật tự tại mục tiêu bảo vệ là: Dự án “Khu du lịch cao cấp TĐX”. Nhiệm vụ chính của Công ty V là “Bảo vệ an ninh trật tự, phòng chống gây rối phá hoại và các tệ nạn xã hội; Bảo vệ phương tiện vật tư tài sản, phòng chống đột nhập trộm cắp, cướp giật; bảo vệ con người; tổ chức kiểm soát tất cả các tài sản và con người ra vào dự án...” với thời gian bảo vệ là cả ngày 24/24 giờ. Trách nhiệm của Công ty V là “Bồi thường mất mát, thiệt hại về tài sản tại mục tiêu bảo vệ...”

Hà Đức H và Trần Thanh Ch được Công ty TNHH thi công cơ giới và xây dựng hạ tầng L (gọi tắt là Công ty L) hợp đồng làm công nhân lái máy đào; Hà Đức H được Công ty L giao sử dụng máy đào KOBELCO SK 200; Trần Thanh Ch được Công ty giao sử dụng máy đào HUYNDAI 340 để phục vụ thi công công trình của Công ty. Theo quy định của Công ty: trong quá trình thi công san lấp mặt bằng, nếu phương tiện nào hết nhiên liệu (dầu DO) thì báo cho nhân viên quản lý nhiên liệu của Công ty biết và nhân viên này, làm đề xuất cho chỉ huy trưởng công trình là ông Cao Xuân L, ký duyệt và cấp nhiên liệu cho các

phương tiện sử dụng tiếp theo; việc cấp nhiên liệu của Công ty cho các phương tiện là tùy thuộc vào khối lượng công việc mà các phương tiện đã làm được và theo báo cáo của người sử dụng phương tiện chứ không theo định mức cụ thể; hết giờ làm việc trong ngày thì công nhân đưa máy, phương tiện về bãi tập kết phương tiện của Công ty và giao cho Công ty V quản lý, bảo vệ.

Trong quá trình thi công, một số phương tiện của Công ty bị hư, hỏng xảy ra nên nhân viên của Công ty đã liên hệ với Trần Ngọc C – làm nghề vá lốp lưu động, đến vá lốp cho các phương tiện nên H và Ch quen, biết C.

Biết được máy đào do Công ty giao cho mình quản lý, sử dụng trong quá trình thi công có dôi dư ra một số lượng nhiên liệu nên H và Ch nảy sinh ý định chiếm đoạt số nhiên liệu (dầu DO) này để bán lấy tiền chi tiêu. Nên H và Ch đã liên hệ với Trần Ngọc C để thỏa thuận về cách thức chiếm đoạt và giá cả mua bán số lượng dầu DO, trong 02 máy đào của H và Ch.

Do đó, trưa ngày 22/3/2022, Hà Đức H gặp Trần Ngọc C tại quán Hoàng Nam ở Khu phố P, TT.C, A nên H hỏi C: Ông có mua dầu DO không để tôi bán; C nói: Có; H nói cho C biết là đang sử dụng máy đào KOBELCO SK200 màu xanh, loại 0,9 mét khối và thỏa thuận với C cách lấy dầu là: cứ hết giờ làm việc buổi chiều, H phải đưa máy về bãi tập kết phương tiện của Công ty, nhưng mở khóa sẵn nắp bồn chứa dầu của máy đào KOBELCO SK200 và điện thoại cho C biết, để đến 23h đêm, C mang các can rỗng (loại can 30 lít) và ống nhựa đến lén lút hút lấy dầu từ bồn chứa dầu của máy đào KOBELCO SK200, để tránh sự phát hiện của bảo vệ Công ty V; mỗi đêm C chỉ được lấy 02 can, mỗi can 30 lít và trả cho H 400.000 đồng/can. Sau đó, Trần Thanh Ch cũng đến gặp C để thỏa thuận về việc lấy dầu từ máy đào HUYNDAI SK 340 màu vàng đen do Ch sử dụng, giống như cách thức lấy dầu giữa H và C, nhưng Ch chỉ đồng ý cho C lấy mỗi đêm 01 can 30 lít và trả cho C 400.000 đồng. H, Ch và C đồng ý cách thức trên.

Sau khi trao đổi, thỏa thuận và thống nhất xong thì cuối giờ chiều các ngày 22/3/2022, 24/3/2022, 27/3/2022 sau khi thi công xong công việc tại công trình, H và Ch điện thoại cho C biết nơi để xe máy đào và đã mở khóa sẵn nắp bồn chứa dầu của máy đào. Đến khoảng 23h các ngày trên, C điều khiển xe mô tô, chở theo 03 can rỗng/đêm và 01 ống nhựa dài khoảng 3m, o30 dùng để hút dầu, chạy đến bãi tập kết phương tiện của Công ty L rồi mang 03 vỏ can đi bộ vào bên trong khu vực bãi đậu phương tiện; sau khi tìm thấy máy đào của H và Ch thì C lén lút hút dầu từ máy đào KOBELCO SK200 của H ra được 60 lít chứa trong 02 can/đêm và hút dầu từ máy đào HUYNDAI SK 340 của Ch, ra được 30 lít chứa trong 01 can/đêm. Sau khi lấy dầu xong, C xách các can dầu ra nơi để xe mô tô, rồi chở về nhà.

Sau khi hút lấy được dầu từ máy đào của H và Ch; C thấy trong bồn chứa dầu của 02 máy đào còn nhiều dầu nên đêm ngày 29/3/2022, sau khi được H, Ch điện báo, C nổi lòng tham nên điều khiển xe mô tô chở theo 28 can nhựa rỗng (loại 30 lít) nhằm mục đích hút lấy được bao nhiêu dầu thì lấy và nhờ Võ Văn H - là người làm thuê cho C, đi cùng nhưng không cho H biết là đi hút dầu từ máy

đào của H, Ch; khi đến nơi thì H đứng ngoài, còn C đi vào bãi đậu phương tiện của Công ty L; sợ bị bảo vệ của Công ty V phát hiện nên C bỏ rải rác các vỏ can dưới các xe, máy khác rồi đi đến máy đào KOBELCO SK200 của H, hút lấy được 1 can rưỡi dầu tương đương 45 lít thì bị phát hiện nên C để lại 02 can đã hút được dầu và 26 can rỗng, bỏ chạy về nhà.

Như vậy, số lượng dầu DO mà Trần Ngọc C và Hà Đức H thỏa thuận, lén lút chiếm đoạt được từ máy đào KOBELCO SK200 của H vào các đêm 22, 24, 27/3/2022 là 180 lít và đêm ngày 29/3/2022 là 45 lít, tổng cộng là 225 lít; Trần Ngọc C và Trần Thanh Ch thỏa thuận chiếm đoạt được từ máy đào HUYNDAI SK 340 của C là 90 lít. Trần Ngọc C đã trả cho Hà Đức H số tiền 2.400.000 đồng, cho Trần Thanh Ch số tiền 1.200.000 đồng.

* Vật chứng tạm giữ: 45 lít dầu DO được chứa trong 02 can nhựa (loại can 30 lít); 26 can nhựa rỗng (loại can 30 lít); 01 ống nhựa dài 3m, o30, một đầu có gắn van.

Theo kết luận định giá ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện A, thì:

- 180 lít dầu DO loại 0,05S-II do Trần Ngọc C và Hà Đức H chiếm đoạt vào các ngày 22, 24, 27/3/2022 tại thời điểm bị chiếm đoạt tài sản có giá là 4.338.000 đồng;

- 90 lít dầu DO loại 0,05S-II do Trần Ngọc C và Trần Thanh Ch chiếm đoạt vào các ngày 22, 24, 27/3/2022 tại thời điểm bị chiếm đoạt tài sản có giá là 2.169.000 đồng;

- 45 lít dầu DO loại 0,05S-II do Trần Ngọc C và Hà Đức H chiếm đoạt vào ngày 29/3/2022 tại thời điểm bị chiếm đoạt tài sản có giá là 1.084.500 đồng.

Về dân sự: Các bị cáo Trần Ngọc C, Hà Đức H và Trần Thanh Ch đã nộp 7.591.500 đồng để bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKSPC, ngày 12.4.2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo: Hà Đức H, Trần Ngọc C và Trần Thanh Ch về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Hà Đức H, Trần Ngọc C và Trần Thanh Ch về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của BLHS để xử phạt các bị cáo Hà Đức H và Trần Ngọc C mỗi bị cáo với mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; bị cáo Trần Thanh Ch với mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; và ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo.

Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo Hà Đức H, Trần Ngọc C và Trần Thanh Ch đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận:

Hà Đức H và Trần Thanh Ch được Công ty L hợp đồng làm công nhân lái máy đào; nên Công ty đã giao cho Hà Đức H sử dụng máy đào KOBELCO SK 200; Trần Thanh Ch sử dụng máy đào HUYNDAI 340 để phục vụ thi công công trình. Trong quá trình quản lý và sử dụng máy đào để thi công, H và Ch biết được máy đào sẽ dôi dư ra một số lượng nhiên liệu nên H và Ch nảy sinh ý định chiếm đoạt số nhiên liệu (dầu DO) và liên hệ với Trần Ngọc C để thỏa thuận về cách thức chiếm đoạt và giá cả mua bán số lượng dầu DO.

Do đó, vào các đêm ngày 22, 24, 27 và 29/3/2022, các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với cách thức như sau: H và Ch sau khi thi công xong công việc tại công trình thì cho xe chạy vào bãi tập kết phương tiện của Công ty, rồi điện thoại cho C biết nơi để xe máy đào và mở khóa sẵn nắp bồn chứa dầu của máy đào để đến đêm C thực hiện hành vi lén lút hút dầu của 02 máy đào KOBELCO SK200 và HUYNDAI SK 340, chiếm đoạt được tổng cộng 315 lít dầu DO của Công ty L. Do đó, Hội đồng xử án có đủ cơ sở xác định các bị cáo Hà Đức H, Trần Thanh Ch và Trần Ngọc C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của Công ty trong việc giao cho các công nhân lái xe quản lý tài sản, đã thực hiện hành vi lén lút lấy tài sản với tổng giá trị là 7.591.500 đồng. Các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Trong vụ án này, tuy có nhiều người cùng tham gia nhưng chưa thể hiện là một vụ án có tổ chức chặt chẽ mà chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Trong đó, vai trò của bị cáo Hà Đức H và Trần Thanh Ch vừa là người khởi xướng trong vụ án, vừa là người tạo điều kiện để bị cáo Trần Ngọc C trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản; các bị cáo đã thực hiện trộm cắp nhiều lần vào các đêm 22, 24 27 và 29/3/2023 nhưng mỗi lần trị giá tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên mà phải chịu trách nhiệm về hậu quả của mình gây ra theo tổng giá trị thiệt hại của từng bị cáo, cụ thể: H cùng với C đồng phạm chiếm đoạt 5.422.500 đồng, Ch cùng với C đồng phạm chiếm đoạt 2.169.000 đồng.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo Hà Đức H, Trần Ngọc C và Trần Thanh Ch về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Hà Đức H, Trần Ngọc C và Trần Thanh Ch về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 nên cần xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, các bị cáo cũng đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi xem xét quan hệ nhân thân của các bị cáo HĐXX nhận thấy: các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, HĐXX quyết định áp dụng Điều 65 BLHS để xét xử các bị cáo, tạo điều kiện để các bị cáo tự tu dưỡng, rèn luyện.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: 26 can nhựa rỗng (loại can 30 lít); 01 ống nhựa dài 3m, o30, một đầu có gắn van. (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật

chứng đã mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A, HĐXX xét thấy vật chứng này trực tiếp liên quan đến vụ án nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 45 lít dầu DO được chứa trong 02 can nhựa (loại can 30 lít) được thu giữ đã lâu không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

Đối với Số tiền 7.591.500 đồng Việt Nam là số tiền các bị cáo nộp để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, đại diện của 02 Công ty L và công ty V đã thống nhất số tiền 7.591.500 đồng sẽ do Công ty L nhận. Xét thấy thỏa thuận trên là phù hợp với quy định nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015, buộc các bị cáo Trần Ngọc C, Hà Đức H và Trần Thanh Ch phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; các điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố Bị cáo Trần Ngọc C, Hà Đức H và Trần Thanh Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc C 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án 19/5/2023.

Giao bị cáo Trần Ngọc C cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện A, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

1.2. Xử phạt bị cáo Hà Đức H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án 19/5/2023.

Giao bị cáo Hà Đức H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

1.3. Xử phạt bị cáo Trần Thanh Ch 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án 19/5/2023.

Giao bị cáo Trần Thanh Ch cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

2. Xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu, tiêu hủy: 45 lít dầu DO được chứa trong 02 can nhựa (loại can 30 lít); 26 can nhựa rỗng (loại can 30 lít); 01 ống nhựa dài 3m, o30, một đầu có gắn van.

2.2. Trả lại cho Công ty TNHH thi công cơ giới và xây dựng hạ tầng L 7.591.500 đồng.

Hiện các tài sản trên đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A, tỉnh B.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trần Ngọc C, Hà Đức H và Trần Thanh Ch, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Phòng hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS H.A;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê L

